TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 67/2020/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 18 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Văn V, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 35C, phường M, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T cùng xác định vợ chồng có một con chung tên là Trần Vũ T, sinh ngày 27/5/2010. Ly hôn ông V và bà T tự nguyện thỏa thuận: Giao con chung Trần Vũ T cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

4. Lệ phí HNGĐ-ST: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông V và bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0000341 ngày 09/9/2020. Ông V và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, nuôi con chung và các thỏa thuận khác theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 như đã nhận định trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T cùng xác định vợ chồng có một con chung tên là Trần Vũ T, sinh ngày 27/5/2010. Ly hôn ông V và bà T tự nguyện thỏa thuận: Giao con chung Trần Vũ T cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng, ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông V và bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0000341 ngày 09/9/2020. Ông V và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND phường P, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng (Giấy chứng kết hôn số 63 ngày 29.6.2010);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diệp